

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 19/9/2017

V/v: không công nhận vợ chồng giữa
chị A anh B

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Bùi Tư Duy

* **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Trần Văn Thiện;
2. Ông Nguyễn Quốc Sửu

* **Thư ký phiên tòa:** Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

* **Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** ông Dương Đức Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2017/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2017/QĐXX - ST ngày 08/9/2017 giữa:

* Nguyên đơn: Chị Ngô Thị A, sinh năm 1972; nơi cư trú: thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

* Bị đơn: Anh Dương Văn B, sinh năm 1972; nơi cư trú: thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 17/8/2017 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Ngô Thị A trình bày: Chị và anh Dương Văn B chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đến nay vợ chồng chị có 03 con chung là Dương Văn C, sinh năm 1993; Dương Mạnh D, sinh ngày 12/3/1998; Dương Thị Thu E, sinh ngày 05/02/2007. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 6 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, sinh hoạt và làm ăn kinh tế gia đình. Chị đã phải đi ở nhờ nhà người quen từ tháng

6/2017, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, vợ chồng không còn sống chung, sinh hoạt và làm ăn kinh tế chung, ai sống thế nào mặc người đó. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án không công nhận chị với anh B là vợ chồng và chị đề nghị được nuôi con E, chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con. Còn con D, con C đã trưởng thành và tự lập được cuộc sống nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, ruộng canh tác: chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Ngô Thị A có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/9/2017 và những lời khai tiếp theo, bị đơn anh Dương Văn B trình bày:

Anh nhất trí với trình bày của chị A về ngày tháng kết hôn, điều kiện kết hôn, con chung, mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế gia đình, chị A đã bỏ đi từ tháng 6/2017 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị A đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận giữa chị A với anh là vợ chồng, anh nhất trí.

Về con chung: Anh nhận nuôi con Dương Thị Thu E, sinh ngày 05/02/2007, anh không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Đối với con D, con C đã trưởng thành và tự lập được cuộc sống nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, ruộng canh tác: anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Dương Văn B có mặt vẫn giữ nguyên ý kiến trên.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 9, 11, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đề nghị HĐXX, xử:

Về quan hệ hôn nhân: không công nhận chị Ngô Thị A và anh Dương Văn B là vợ chồng;

Về con chung: Giao cho anh B nuôi con E, chị A không phải cấp dưỡng nuôi con;

Án phí sơ thẩm: Chị A phải chịu dân sự sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị A và anh Dương Văn B chung sống với nhau từ năm 1992, trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn, kể từ đó cho đến nay chị A và anh B không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 06 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, sinh hoạt và làm ăn kinh tế gia đình. Chị Hương đã bỏ đi ở nhờ nhà người quen từ tháng 6/2017, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, anh chị không còn sống chung, sinh hoạt và làm ăn kinh tế chung, ai sống thế nào mặc người đó. Nay chị A xác định tình cảm hai người đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị xin được chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh B. HĐXX xét thấy, căn cứ vào lời khai của chị A và lời thừa nhận của anh B cũng như xác nhận của UBND xã Nhã Nam thì chị A và anh B đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTA-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp nên xử không công nhận chị A và anh B là vợ chồng.

[2] Về con chung vợ chồng chị A, anh B có 03 con chung là Dương Văn C, sinh năm 1993; Dương Mạnh D, sinh ngày 12/3/1998; Dương Thị Thu E, sinh ngày 05/02/2007. Cháu Mạnh và cháu D đã trưởng thành và tự lập được cuộc sống nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết, còn cháu E hiện cả chị A, anh B đều có nguyện vọng được nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện cháu E đang được ông bà nội và anh B trực tiếp nuôi dưỡng và cháu E có nguyện vọng được ở với anh B. Mặt khác, anh B có công việc ổn định, có thu nhập để nuôi con. Do đó, tránh làm xáo trộn cuộc sống của con khi giải quyết ly hôn cần giao cho anh B trực tiếp nuôi con. Anh Hùng không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: chị A, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị A phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Áp dụng: Các Điều 9, 11, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội. Điều 28; khoản 4, Điều 147; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Ngô Thị A và anh Dương Văn B là vợ chồng.

2. Con chung: Giao cho anh Dương Văn B tiếp tục nuôi dưỡng con Dương Thị Thu E, sinh ngày 05/02/2007. Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, chị A có quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị A thực hiện quyền này.

3. Án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0003838 ngày 17/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Tư Duy